

Họ và tên: Số báo danh: Mã đề 102

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM: *Hãy chọn đáp án đúng nhất(7 điểm).*

Câu 1. Sự ganh đua, đấu tranh giữa các chủ thể kinh tế trong sản xuất, kinh doanh hàng hóa nhằm giành những điều kiện thuận lợi để thu được nhiều lợi nhuận là nội dung của khái niệm

- A. lợi tức. B. đấu tranh. C. tranh giành. D. cạnh tranh.

Câu 2. Một trong những nguyên nhân dẫn tới hiện tượng lạm phát trong nền kinh tế là trong quá trình sản xuất có sự tăng giá của

- A. các yếu tố đầu ra. B. cầu giảm quá nhanh.
C. các yếu tố đầu vào. D. cung tăng quá nhanh.

Câu 3. Một trong những đặc trưng cơ bản phản ánh sự cạnh tranh giữa các chủ thể kinh tế đó là giữa họ luôn luôn có sự

- A. ganh đua. B. ký kết. C. thỏa mãn. D. thỏa hiệp.

Câu 4. Trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, cầu là khối lượng hàng hóa, dịch vụ mà người tiêu dùng cần mua trong một thời kì xác định tương ứng với giá cả và

- A. khả năng xác định. B. sản xuất xác định.
C. nhu cầu xác định. D. thu nhập xác định.

Câu 5. Đối với người lao động, khi bị thất nghiệp sẽ làm cho đời sống của người lao động

- A. gặp nhiều khó khăn. B. ngày càng sung túc.
C. được cải thiện đáng kể. D. có khả năng cải thiện.

Câu 6. Trong nền kinh tế, khi mức giá chung các hàng hoá, dịch vụ của nền kinh tế tăng một cách liên tục trong một thời gian nhất định được gọi là

- A. cung cầu. B. thị trường. C. lạm phát. D. tiền tệ.

Câu 7. Đối với vấn đề giải quyết việc làm, chính sách nào dưới đây sẽ góp phần hạn chế tình trạng thất nghiệp ở nước ta hiện nay?

- A. Tăng thuế xuất khẩu hàng hóa. B. Mở rộng xuất khẩu lao động.
C. Tăng thuế đối với doanh nghiệp. D. Đẩy mạnh trợ cấp thất nghiệp.

Câu 8. Là sự thỏa thuận giữa người bán sức lao động và người mua sức lao động về tiền công, tiền lương và các điều kiện làm việc khác là nội dung của khái niệm

- A. thị trường tài chính. B. thị trường công nghệ
C. thị trường lao động. D. thị trường tiền tệ.

Câu 9. Trong bối cảnh nền kinh tế nước ta hiện nay, các doanh nghiệp có xu hướng tuyển dụng lao động

- A. không đào tạo. B. không trình độ. C. chất lượng thấp. D. chất lượng cao.

Câu 10. Hoạt động có mục đích, có ý thức của con người nhằm tạo ra các sản phẩm phục vụ cho các nhu cầu của đời sống xã hội là nội dung của khái niệm

- A. cạnh tranh. B. cung cầu. C. lao động. D. thất nghiệp.

Câu 11. Trong nền kinh tế hàng hóa, đối với người sản xuất một trong những mục đích của cạnh tranh là nhằm

- A. Đầu cơ tích trữ gây rối loạn thị trường.
B. Triệt tiêu mọi lợi nhuận kinh doanh.
C. Đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công.
D. Giành ưu thế về khoa học và công nghệ.

Câu 12. Trong nền kinh tế, khi mức độ tăng của giá cả ở một con số hàng năm từ 0% đến dưới 10% khi đó nền kinh tế có mức độ

A. siêu lạm phát.

B. lạm phát phi mã.

C. lạm phát vừa phải.

D. lạm phát tuyệt đối.

Câu 13. Tình trạng người lao động mong muốn có việc làm nhưng chưa tìm được việc làm là nội dung của khái niệm

A. thu nhập.

B. thất nghiệp.

C. khủng hoảng.

D. lạm phát.

Câu 14. Thị trường lao động là nơi diễn ra thỏa thuận giữa người lao động và người sử dụng lao động được thể hiện cụ thể trong

A. Luật lao động.

B. Hiến pháp.

C. Điều lệ công ty

D. hợp đồng lao động.

Câu 15. Gia đình bạn H đang là học sinh lớp 11 có nghề mây tre đan thủ công mỹ nghệ nổi tiếng trong vùng. Được sự đồng ý của gia đình và hướng dẫn của bố mẹ H, sau giờ học H cùng các bạn trong lớp đến để làm kiếm thêm thu nhập mua sách vở, tài liệu phục vụ cho việc học tập. Xét về mặt kinh tế, H và các bạn trong lớp đã tiến hành là hoạt động nào dưới đây?

A. Lao động.

B. Phân phối.

C. Tiêu dùng.

D. Kinh doanh.

Câu 16. Trong nền kinh tế, dấu hiệu cơ bản để nhận biết nền kinh tế đó đang ở trong thời kỳ lạm phát đó là sự

A. gia tăng nguồn cung hàng hóa.

B. giảm giá hàng hóa, dịch vụ.

C. tăng giá hàng hóa, dịch vụ.

D. suy giảm nguồn cung hàng hóa.

Câu 17. Thất nghiệp là tình trạng người lao động mong muốn có việc làm nhưng chưa tìm được

A. bạn đời.

B. chỗ ở.

C. việc làm.

D. vị trí.

Câu 18. Yếu tố nào ảnh hưởng đến cung mang tính tập trung nhất?

A. Chi phí sản xuất.

B. Năng suất lao động.

C. Giá cả.

D. Nguồn lực.

Câu 19. Ngành H thay đổi phương thức sản xuất nên một số lao động bị mất việc trong trường hợp này gọi là

A. thất nghiệp cơ cấu.

B. thất nghiệp cơ cấu.

C. thất nghiệp tạm thời

D. thất nghiệp chu kỳ

Câu 20. Khi người lao động trong độ tuổi lao động, có khả năng lao động, muốn làm việc nhưng không thể tìm được việc làm ở mức lương thịnh hành khi đó người lao động đó đang

A. phát triển.

B. trưởng thành.

C. thất nghiệp.

D. tự tin.

Câu 21. Trường hợp nào sau đây được gọi là cung?

A. Công ty A xây dựng nhà máy sản xuất hàng hóa.

B. Công ty A ngày mai sẽ sản xuất thêm 1 triệu sản phẩm.

C. Anh A khảo sát nhu cầu thị trường để sản xuất hàng hóa.

D. Công ty B thảo kế hoạch sản xuất 1 triệu sản phẩm.

Câu 22. Đối với hoạt động sản xuất của doanh nghiệp, khi lạm phát xảy ra sẽ khiến hoạt động sản xuất kinh doanh gặp khó khăn vì

A. chi phí sản xuất giảm xuống.

B. không được tái cấp vốn.

C. không nhận được hỗ trợ vốn.

D. chi phí sản xuất tăng cao.

Câu 23. Biểu hiện nào dưới đây **không** phải là cung?

A. Đồng bằng sông Cửu Long chuẩn bị thu hoạch 10 tấn lúa để xuất khẩu

B. Quần áo được bày bán ở các cửa hàng thời trang

C. Công ty sơn H hàng tháng sản xuất được 3 triệu thùng sơn để đưa ra thị trường

D. Rau sạch được các hộ gia đình trồng để ăn, không bán

Câu 24. Sau khi tốt nghiệp đại học, H làm hồ sơ và tham gia buổi tư vấn giới thiệu việc làm do trung tâm X tổ chức. Tại đây, H được công ty Z ký hợp đồng thử việc ba tháng. Trong trường hợp này H đã tham gia vào thị trường lao động với tư cách là chủ thể nào dưới đây?

A. Người môi giới.

B. Người sử dụng lao động.

C. Trung tâm môi giới.

D. Người lao động.

Câu 25. Mục đích cuối cùng của cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hoá là nhằm giành lấy

- A. lợi nhuận. B. nhiên liệu. C. thị trường. D. lao động.

Câu 26. Khối lượng hàng hoá, dịch vụ hiện có trên thị trường và chuẩn bị đưa ra thị trường trong một thời kì nhất định, tương ứng với mức giá cả, khả năng sản xuất và chi phí sản xuất xác định là

- A. tổng cầu. B. tổng cung. C. cung. D. cầu.

Câu 27. Người sản xuất, kinh doanh giành lấy các điều kiện thuận lợi, tránh được những rủi ro, bất lợi trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, dịch vụ là một trong những nguyên nhân dẫn đến

- A. thất nghiệp. B. cạnh tranh. C. khủng hoảng. D. lạm phát.

Câu 28. Trong hoạt động sản xuất, lao động có vai trò như là một yếu tố

- A. độc lập. B. đầu ra. C. đầu vào. D. thứ yếu.

PHẦN II. TỰ LUẬN:

Câu 1 (2,0 điểm): Em đồng tình hay không đồng tình với các quan điểm sau? Vì sao?

- a. Người lao động làm việc trong các cơ quan nhà nước mới được coi là có việc làm.
- b. Nhu cầu tuyển dụng lao động thường tăng lên vào dịp cuối năm.
- c. Để hỗ trợ các doanh nghiệp và người lao động, các cơ quan hữu quan phải chia sẻ nguồn dữ liệu về cung - cầu lao động.
- d. Người làm giúp việc cho một gia đình được coi là có việc làm.

Câu 2 (1,0 điểm): Em hãy nhận xét việc làm của các tổ chức, cá nhân dưới đây:

Trường hợp a. Xã A sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước tổ chức hai khoá dạy nghề mây tre đan xuất khẩu nhằm giải quyết việc làm cho người lao động tại địa phương. Sau đó, các học viên này vẫn không có việc làm vì không có bất cứ một dự án sản xuất mây tre đan nào được tổ chức tại địa phương.

Trường hợp b. Khi tỉ lệ thất nghiệp tăng cao, chính quyền xã X đã đến từng hộ gia đình thống kê số người thất nghiệp để tìm giải pháp kiểm soát và kiềm chế thất nghiệp, nhưng một số gia đình không hợp tác vì cho rằng Nhà nước không thể giải quyết được vấn đề này.

----- **HẾT** -----